

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương (HNX: HAD)

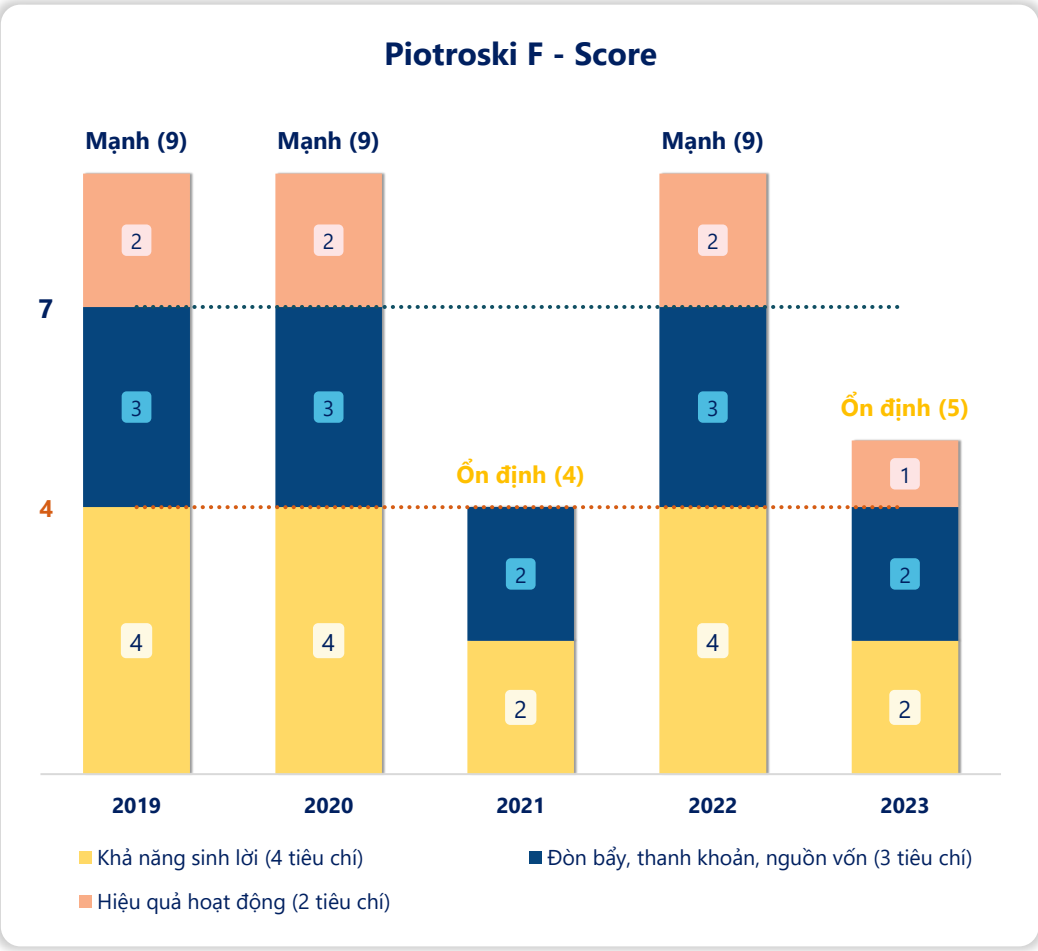
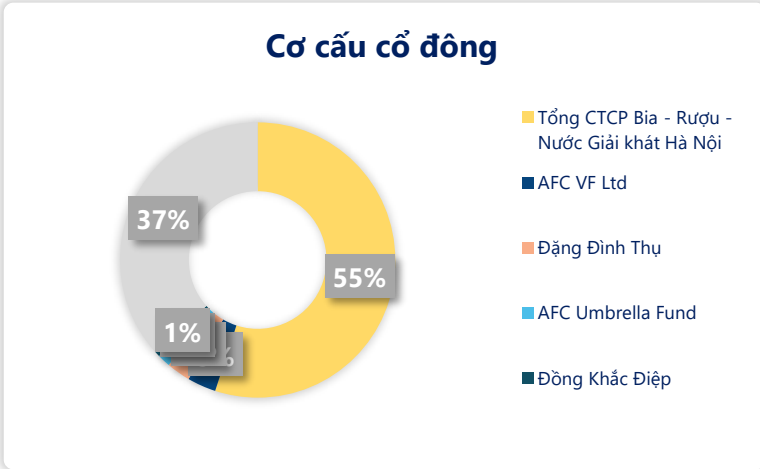
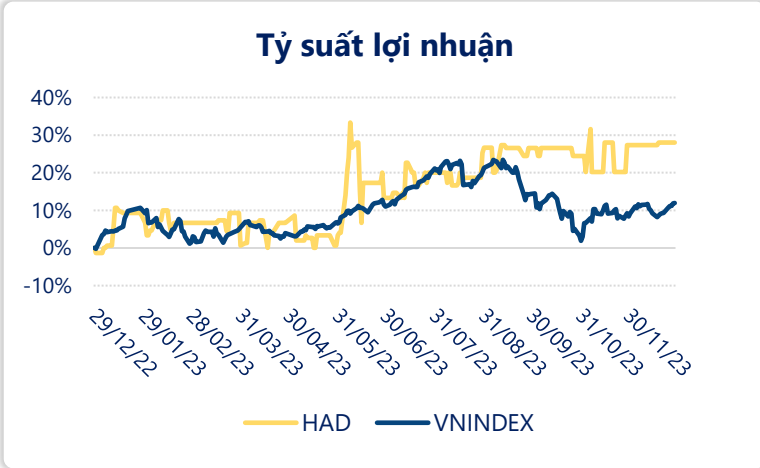
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	18,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.6%	2.9%	11.7%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
167	YoY
tỷ VNĐ	▲ 15.0
	▲ 9.9%

LN sau thuế	2023
6.01	YoY
tỷ VNĐ	▼ 4.49
	▼ 43.0%

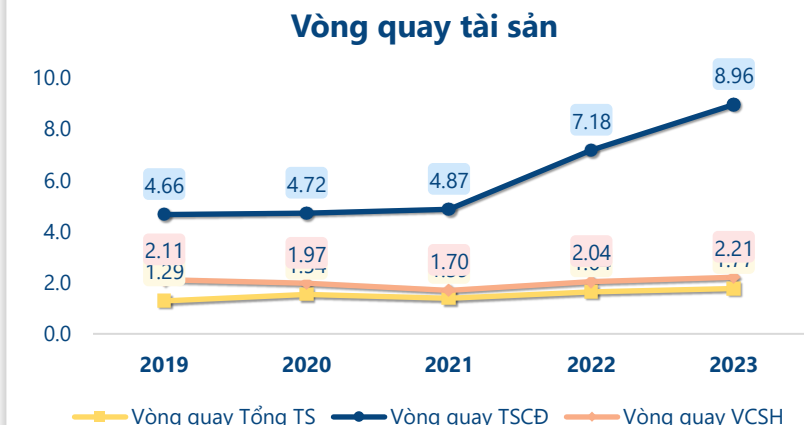
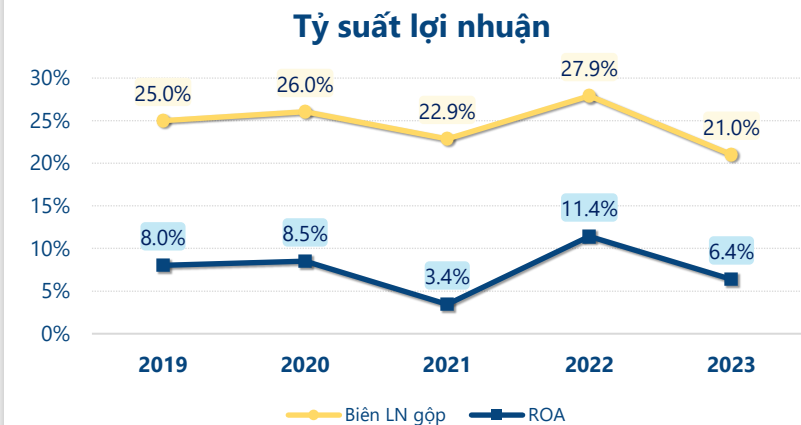
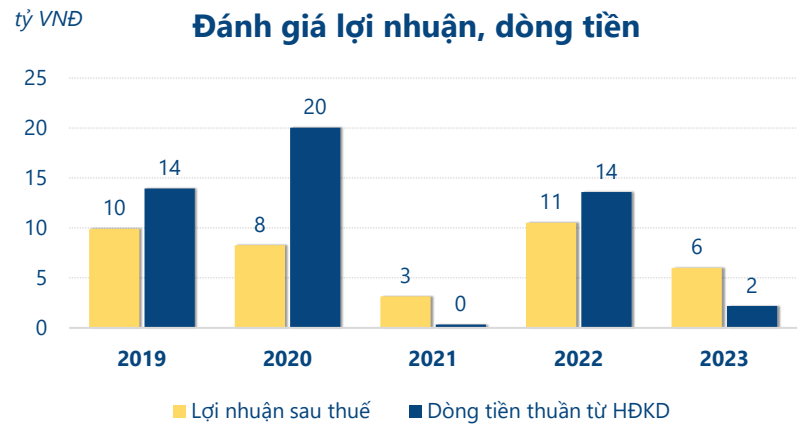


Năm **2023**, F-Score của **HAD** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

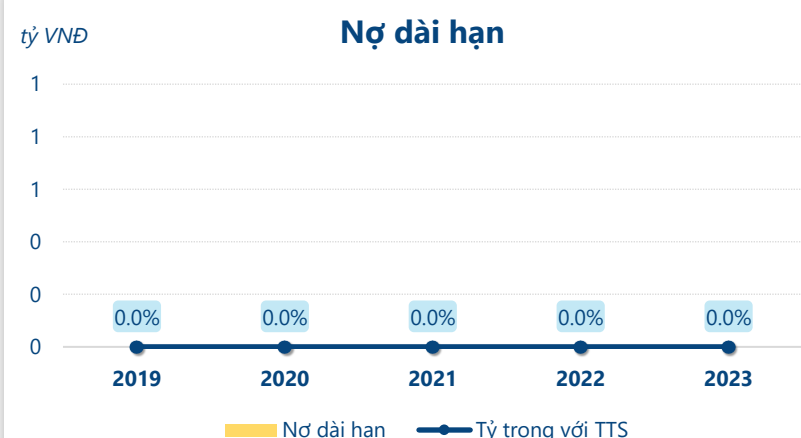
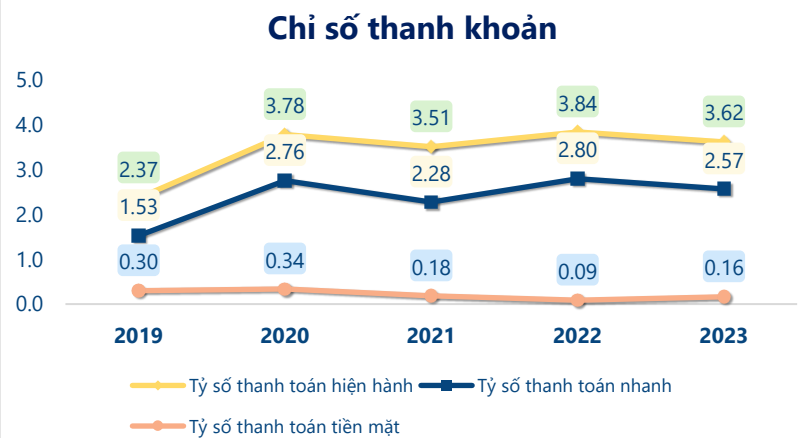
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **kém hơn** so với năm trước chỉ đạt **1/2** điểm.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương (HNX: HAD)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **HAD**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhỏ hơn lợi nhuận sau thuế cho thấy chất lượng lợi nhuận không được đánh giá cao nhưng 2 chỉ tiêu này đều dương nghĩa là công ty vẫn tạo ra lợi nhuận và có lượng tiền mặt để duy trì hoạt động. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	93.6	94.5	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	70.1	69.7	0.7%
Tiền và tương đương tiền	3.13	1.58	98.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	48.0	-6.3%
Phải thu ngắn hạn	1.45	1.16	25.1%
Hàng tồn kho	20.3	18.9	7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0	
Tài sản dài hạn	23.4	24.8	-5.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	17.8	19.4	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.64	5.48	2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	19.4	18.1	6.9%
Nợ ngắn hạn	19.4	18.1	6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.01	1.26	60.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	74.2	76.4	-2.8%
Vốn chủ sở hữu	74.2	76.4	-2.8%
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	159	150	127	152	167
Giá vốn hàng bán	119	111	97.6	109	132
Lợi nhuận gộp	39.7	39.2	29.0	42.3	35.0
Doanh thu HĐTC	2.72	1.70	2.08	2.88	5.23
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.2	18.0	16.3	19.9	21.8
Chi phí QLDN	12.6	12.9	10.8	12.3	11.0
LN thuần từ HĐKD	12.6	9.90	3.86	13.1	7.48
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.01	-0.17	0.16	0.09
LN trước thuế	12.5	9.89	3.69	13.2	7.57
Lợi nhuận sau thuế	9.92	8.28	3.15	10.5	6.01
LNST của CĐ cty mẹ	9.92	8.28	3.15	10.5	6.01

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.9	20.0	0.32	13.6	2.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.25	-8.36	1.56	-11.3	4.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.0	-14.2	-4.00	-4.00	-4.79
Tiền đầu kỳ	24.7	7.89	5.36	3.25	1.58
Lưu chuyển tiền thuần	-16.8	-2.53	-2.11	-1.67	1.55
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.89	5.36	3.25	1.58	3.13